UBND PHƯỜNG QUẢNG PHÚ

Biểu số 117/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN THU NSNN, VAY NSĐP NĂM 2025

(Quyết toán đã được HĐND phường phê chuẩn)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm		Quyết toán năm	Phân chia theo từng cấp ngân sách				So sánh QT/DT (%)	
		Cấp trên giao	HĐND quyết định		Thu NS TW	Thu NSĐP	Gồm:		Cấp trên giao	HĐND quyết định
							Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp xã		
A	*B*	*1*	*2*	*3=4+5*	*4*	*5=6+7*	*6*	*7*	*8=3:1*	*9=3:2*
	TỔNG SỐ (A+B +C+D+E)	**53.589,251460**	**52.351,551460**	**243.748,107653**	**3.677,895996**	**############**	**38.318,359053**	**201.751,852604**	**454,85**	**465,60**
A	**THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**4.702,000000**	**3.464,300000**	**47.692,571331**	**3.677,895996**	**44.014,675335**	**38.280,911156**	**5.733,764179**	**1.014,30**	**1.376,69**
1	**Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý**									
	- Thuế giá trị gia tăng									
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí									
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp									
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí									
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt									
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước									
	- Thuế tài nguyên									
	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí									
	- Thu từ khí thiên nhiên									
2	**Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý**			**117,004747**	**19,924171**	**97,080576**	**97,080576**			
	- Thuế giá trị gia tăng			81,633912	13,885179	67,748733	67,748733			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			35,370835	6,038992	29,331843	29,331843			
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí			-		-				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			-		-				
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước			-		-				
	- Thuế tài nguyên			-	-					
3	**Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài**			**0,766138**	**0,130238**	**0,635900**	**0,635900**	**-**		
3.1	Thu từ nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ ở nước ngoài			-		-				
3.2	Thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			0,766138	0,130238	0,635900	0,635900	-		
	- Thuế giá trị gia tăng			0,392891	0,066789	0,326102	0,326102			
	Trong đó: Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí			-		-				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			0,373247	0,063449	0,309798	0,309798			
	Trong đó: - Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí			-		-				
	- Thuế tối thiểu toàn cầu			-		-				
	- Thu từ khí thiên nhiên			-		-				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			-		-				
	Trong đó: - Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước			-		-				
	- Thuế tài nguyên			-		-				

	Trong đó: Thuế tài nguyên dầu, khí			-		-				
4	**Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh**	**1.800,000000**	**918,000000**	**9.624,077113**	**1.665,407875**	**7.958,669238**	**6.713,473526**	**1.245,195712**	**534,67**	**1.048,37**
	- Thuế giá trị gia tăng	1.800,000000	918,000000	8.870,460870	1.533,803239	7.336,657631	6.091,461919	1.245,195712	**492,80**	**966,28**
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp			753,616243	131,604636	622,011607	622,011607			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	50,000000		-		-				
	Trong đó: Thu từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước			-		-				
	- Thuế tài nguyên			-		-				
5	**Lệ phí trước bạ**	**225,000000**	**225,000000**	**3.917,588718**	**-**	**3.917,588718**	**3.917,588718**	**-**	**1.741,15**	**1.741,15**
6	**Thuế sử dụng đất nông nghiệp**			-		-				
7	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**	**1.247,000000**	**1.347,000000**	**1.421,041295**	**-**	**1.421,041295**	**-**	**1.421,041295**	**113,96**	**105,50**
8	**Thuế thu nhập cá nhân**	**930,000000**	**474,300000**	**7.241,645685**	**1.253,386405**	**5.988,259280**	**5.288,877978**	**699,381302**	**778,67**	**1.526,81**
9	**Thuế bảo vệ môi trường**			-		-				
	Trong đó: - Thu từ hàng hóa nhập khẩu			-		-				
	- Thu từ hàng hóa sản xuất trong nước			-		-				
10	**Các loại phí, lệ phí**			**264,342222**	**35,301000**	**229,041222**	**39,265722**	**189,775500**		
	Phí, lệ phí Trung ương			35,301000	35,301000	-	-	-		
	Phí, lệ phí tỉnh			98,365722	-	98,365722	22,765722	75,600000		
	Phí, lệ phí xã			130,675500	-	130,675500	16,500000	114,175500		
	Trong đó: - Các khoản phí, lệ phí ngoài danh mục phí, lệ phí được quy định tại Luật Phí và lệ phí do địa phương ban hành			-		-				
	- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải			-		-				
	- Phí hạ tầng cửa khẩu			-		-				
	- Phí tham quan các khu di tích, di sản thế giới			-		-				
11	**Tiền sử dụng đất**			**21.790,199280**	**-**	**21.790,199280**	**21.790,199280**			
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý			-		-				
	+ Thu từ khai thác quỹ đất khu vực TOD đối với đường sắt quốc gia			-		-				
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý			-		-				
	+ Thu từ khai thác quỹ đất khu vực TOD đối với đường sắt địa phương			-		-				
12	**Thu tiền thuê đất**			**414,877125**	**-**	**414,877125**	**414,877125**			
	Trong đó: - Thu từ hoạt động thăm dò và khai thác dầu, khí			-		-				
	- Thu tiền thuê đất một lần được nhà đầu tư ứng trước để bồi thường, hỗ trợ, tái định cư			-		-				
	- Thu từ khai thác quỹ đất khu vực TOD đối với đường sắt quốc gia			-		-				
	- Thu từ khai thác quỹ đất khu vực TOD đối với đường sắt địa phương			-		-				
13	**Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước**			-		-				
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý			-		-				

	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý			-		-				
14	**Thu từ khai thác, xử lý tài sản công xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công**			-		-				
	Trong đó: - Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Trung ương quản lý			-		-				
	- Thu do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc địa phương quản lý			-		-				
15	**Thu từ hoạt động xổ số**			-		-				
16	**Thu khác ngân sách**	**300,000000**	**300,000000**	**2.253,625008**	**703,746307**	**1.549,878701**	**18,912331**	**1.530,966370**	**751,21**	**751,21**
	Bao gồm: - Thu khác ngân sách trung ương			-		-				
	- Thu khác ngân sách địa phương			-		-				
	Trong đó: - Thu phạt vi phạm an toàn giao thông			-		-				
	- Thu phạt vi phạm hành chính do cơ quan Thuế thực hiện			-		-				
	- Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa			-		-				
17	**Thu tiền sử dụng khu vực biển**			-		-				
	Trong đó: - Thuộc thẩm quyền giao của trung ương			-		-				
	- Thuộc thẩm quyền giao của địa phương			-		-				
18	**Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện**			-		-				
	- Cơ quan Trung ương cấp phép			-		-				
	Trong đó: + Tài nguyên khoáng sản			-		-				
	+ Tài nguyên nước			-		-				
	+ Tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện			-		-				
	- Cơ quan địa phương cấp phép			-		-				
19	**Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác**	**200,000000**	**200,000000**	**576,259000**	**-**	**576,259000**	**-**	**576,259000**	**288,13**	**288,13**
20	**Thu cổ tức, lợi nhuận được chia và lợi nhuận sau thuế**			-		-				
	- Thu từ doanh nghiệp do Trung ương quản lý			-		-				
	- Thu từ doanh nghiệp do địa phương quản lý			-		-				
II	**Thu từ dầu thô**			-		-				
1	**Thu về dầu thô theo hiệp định, hợp đồng**			-		-				
1.1	Thuế tài nguyên			-		-				
1.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp			-		-				
1.3	Lợi nhuận sau thuế được chia của Chính phủ Việt Nam			-		-				
1.4	Dầu lãi được chia của Chính phủ Việt Nam			-		-				
1.5	Thuế đặc biệt			-		-				
1.6	Thu khác			-		-				
2	**Thu về Condensate theo hiệp định, hợp đồng**			-		-				
3	**Phụ thu về dầu, khí**			-		-				
4	**Thu về khí thiên nhiên (không bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài)**			-		-				
III	**Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu**			-		-				
1	**Thuế xuất khẩu**			-		-				
	Trong đó, thuế xuất khẩu qua biên giới đất liền			-		-				
2	**Thuế nhập khẩu**			-		-				

	Trong đó, thuế nhập khẩu qua biên giới đất liền			-		-				
3	**Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu**			-		-				
4	**Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu**			-		-				
5	**Thuế bảo vệ môi trường hàng nhập khẩu**			-		-				
6	**Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu**			-		-				
7	**Thu khác**			-		-				
IV	**Thu Viện trợ**			-		-				
V	**Các khoản huy động, đóng góp**			**71,145000**		**71,145000**		**71,145000**		
1	**Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng**			-		-				
2	**Các khoản huy động đóng góp khác**			71,145000		71,145000		71,145000		
VI	**Thu hồi vốn của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính**			-		-				
1	**Thu từ bán cổ phần, vốn góp của Nhà nước nộp ngân sách**			-		-				
2	**Thu từ các khoản cho vay của ngân sách**			-		-				
2.1	Thu nợ gốc cho vay			-		-				
2.2	Thu lãi cho vay			-		-				
3	**Thu từ quỹ dự trữ tài chính**			-		-				
B	**VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**			-		-				
I	**Vay bù đắp bội chi NSĐP**			-		-				
1	**Vay trong nước**					-				
2	**Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước**					-				
II	**Vay để trả nợ gốc vay**					-				
1	**Vay trong nước**					-				
2	**Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước**					-				
C	**THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH**	**48.887,251460**	**48.887,251460**	**188.774,940651**	**-**	############	**37,447897**	**188.737,492754**	**386,14**	**386,14**
I	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**48.887,251460**	**48.887,251460**	**188.737,492754**	**-**	**188.737,492754**	**-**	**188.737,492754**	**386,07**	**386,07**
1.	**Bổ sung cân đối**	**16.917,899000**	**16.917,899000**	**16.917,899000**	**-**	**16.917,899000**	**-**	**16.917,899000**	**100,00**	**100,00**
2.	**Bổ sung có mục tiêu**	**31.969,352460**	**31.969,352460**	**171.819,593754**	**-**	**171.819,593754**	**-**	**171.819,593754**	**537,45**	**537,45**
2.1	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn trong nước			**171.819,593754**	**-**	**171.819,593754**	**-**	**171.819,593754**		
2.2	Bổ sung có mục tiêu bằng nguồn vốn ngoài nước			-						
II	**Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên**			37,447897	-	37,447897	37,447897	-		
D	**THU CHUYỂN NGUỒN**			6.489,876952	-	6.489,876952	-	6.489,876952		
E	**THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH**			790,718719	-	790,718719	-	790,718719		

Ngày tháng năm
TRƯỞNG PHÒNG GIAO DỊCH KBNN - KHU VỰC XIII

Ngày tháng năm
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

..., ngày tháng năm...
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

-

